

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 26/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Hà Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 126/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35A/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B. Địa chỉ: Số 386, ấp M, xã B, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh D, chức vụ: Phó Phòng Kinh di (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị E, sinh năm: 1980 và ông Trần K G, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn H, sinh năm 1975 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Lý Liệt I, sinh năm 1978 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Trần Văn K, sinh năm 1969 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2021, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh D trình bày: Ngày 04/5/2019 bà Phạm Thị E và ông Trần K G vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B với số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 34T4/19/HĐTD; thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 13,992%/năm; mục đích vay vốn: trồng lúa + nuôi heo + tiêu dùng; hình thức vay: thế chấp quyền sử dụng đất số sổ BM 593310, diện tích 3.900m²; thời hạn cho vay 12 tháng đến hạn trả gốc ngày 04/01/2020; ngày 04/7/2022, đã thanh toán xong hợp đồng số 34T4/19/HĐTD, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 10/5/2019 bà Phạm Thị E và ông Trần K G vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B với số tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 912/06/2019/HĐTD; thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 15,208%/năm; mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn cho vay 12 tháng đến hạn trả gốc ngày 10/5/2020. Chưa thanh toán vốn, lãi nên yêu cầu bà E, ông G cùng có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 27/7/2022 đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị E và ông Trần K G: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho bà Phạm Thị E và ông Trần K G nhưng bà Phạm Thị E và ông Trần K G vắng mặt không có lý do và không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc văn bản nêu ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Phạm Thị E và ông Trần K G đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H, bà Lý Liệt I trình bày: Ngày 15/9/2017 âm lịch, vợ chồng ông có nhận cầm cố phần đất trồng lúa của ông Trần K G, bà Phạm Thị E diện tích 3 công tầm cây đất trồng lúa tọa lạc tại ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu với giá 105.000.000 đồng, việc cầm cố có làm giấy tay. Sau khi nhận cầm cố thì vợ chồng ông thỏa thuận chia lại cho ông Trần Văn K (anh ruột của Trần K G), bà Nguyễn Thị L 1,5 công tầm cây phần đất cố của vợ chồng Trần K G với giá 52.500.000 đồng. Phần đất này vợ chồng ông và vợ chồng ông Trần Văn K sử dụng từ khi có đến nay. Khi có đất thì không biết việc ông Trần K G thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B đến khi Tòa án đến làm việc thì vợ chồng ông mới biết. Nay vợ chồng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 15/9/2017 âm lịch, vợ chồng ông Trương Văn H có nhận cầm cố phần đất trồng lúa của ông Trần K G, bà Phạm Thị E diện tích 3 công tầm cây đất trồng lúa tọa lạc tại ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu với giá 105.000.000 đồng, việc cầm cố có làm giấy tay. Sau khi nhận

cầm cố thì vợ chồng ông thỏa thuận với vợ chồng ông Trương Văn H chia lại cho vợ chồng ông 1,5 công tằm cây phần đất cổ của vợ chồng Trần K G để canh tác với giá 52.500.000 đồng. Phần đất này vợ chồng ông tôi và vợ chồng ông Trương Văn H sử dụng từ khi có đến nay. Khi có đất thì không biết việc ông Trần K G thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B đến khi Tòa án đến làm việc thì vợ chồng ông mới biết. Nay vợ chồng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B đối với bà Phạm Thị E và ông Trần K G về việc yêu cầu bà Phạm Thị E và ông Trần K G có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn, lãi đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 27/7/2022 đến khi thanh toán hết nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B đối với bà E, ông G thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng số 34T4/19/HĐTD ngày 04/5/2019 với số tiền là: 100.000.000 đồng do các đương sự đã thỏa thuận xong. Chi phí xG xét, thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị E và ông Trần K G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quỹ tín dụng nhân dân B yêu cầu bà Phạm Thị E và ông Trần K G thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, bà Phạm Thị E và ông Trần K G cư trú tại ấp N, xã B, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D có mặt, đồng bị đơn bà Phạm Thị E và ông Trần K G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Ngày 04/5/2019 bà Phạm Thị E và ông Trần K G vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B với số tiền là: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 34T4/19/HĐTD; ngày 04/7/2022, đã thanh toán xong hợp đồng số 34T4/19/HĐTD, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

Ngày 10/5/2019 bà Phạm Thị E và ông Trần K G vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B với số tiền là: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 912/06/2019/HĐTD; thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 15,208%/năm; mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn cho vay 12 tháng đến hạn trả gốc ngày 10/5/2020. Chưa thanh toán vốn, lãi nên yêu cầu bà E, ông G cùng có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.050.000 đồng, lãi quá hạn là 10.087.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 27/7/2022 đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 912/06/2019/HĐTD và phụ lục hợp đồng đã được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị E và ông Trần K G đã vi phạm hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân B đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở cho bà Phạm Thị E và ông Trần K G nhưng không thực hiện đúng cam kết. Nay Quỹ tín dụng nhân dân B yêu cầu ông bà Phạm Thị E và ông Trần K G có trách nhiệm thanh toán hợp đồng tín dụng số tiền gốc, lãi đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.050.000 đồng, lãi quá hạn là 10.087.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà E và ông G có ký kết hợp đồng vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền giải ngân là 20.000.000 đồng.

[5] Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 912/06/2019/HĐTD ngày 10/5/2019 thể hiện bà E và ông G vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 15,208%/năm; mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn cho vay 12 tháng đến hạn trả gốc ngày 10/5/2020. Do bà E và ông G không trả nợ theo đúng hạn nên đã chuyển sang nợ quá hạn và Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu bà E và ông G trả số tiền tính đến ngày 26/7/2022 bao gồm nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.050.000 đồng, lãi quá hạn là 10.087.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/7/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Phạm Thị E và ông Trần K G vắng mặt, không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc văn bản thể hiện ý

kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B. Điều này cho thấy, bà Phạm Thị E và ông Trần K G đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên mọi hậu quả pháp lý bất lợi bà Phạm Thị E và ông Trần K G phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận D bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B yêu cầu bà Phạm Thị E và ông Trần K G có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/7/2022 bao gồm nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.050.000 đồng, lãi quá hạn là 10.087.000 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/7/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[8] Về chi phí xG xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ông Trần K G và bà Phạm Thị E phải chịu 1.740.000 đồng. Quỹ tín dụng nhân dân B đã nộp 1.740.000 đồng được hoàn lại từ số tiền ông Trần K G, bà Phạm Thị E nộp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân B được chấp nhận nên bà Phạm Thị E và ông Trần K G phải chịu 33.137.000 đồng x 5% = 1.656.850 đồng.

[10] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B đối với bà Phạm Thị E, ông Trần K G về việc yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 3.050.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), lãi quá hạn là 10.087.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2. Buộc bà Phạm Thị E và ông Trần K G có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 33.137.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 3.050.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), lãi quá hạn là 10.087.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B về việc yêu cầu bà Phạm Thị E và ông Trần K G thanh toán hợp đồng tín dụng số 34T4/19/HĐTD ngày 04/5/2019, số tiền vay 100.000.000 đồng.

4. Kể từ sau ngày 26/7/2022, bà Phạm Thị E và ông Trần K G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ.

5. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân B thì lãi suất mà bà Phạm Thị E và ông Trần K G phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân B, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân B .

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về chi phí xG xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ông Trần K G và bà Phạm Thị E phải chịu nộp 1.740.000 đồng. Quỹ tín dụng nhân dân B đã nộp 1.740.000 đồng được hoàn lại từ số tiền ông Trần K G, bà Phạm Thị E nộp.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phạm Thị E và ông Trần K G phải chịu 1.656.850 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Quỹ tín dụng nhân dân B đã nộp tạm ứng án phí 4.248.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000644 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A được hoàn lại đủ.

10. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến